

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DSST
Ngày: 01 - 7- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế.
2. Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 6 và ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Tiến Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp BPQ, xã BT huyện LV, ĐT.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1973, địa chỉ: ấp VP, xã BT, huyện LV, tỉnh ĐT là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/01/2019).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1964, địa chỉ: ấp AP, xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2018 của anh Võ Tiến Đ và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Vào ngày 21/02/2018 ông Nguyễn Văn L có ký tên vào tờ “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” nội dung hợp đồng thể hiện anh Võ Tiến Đ cho Ông Nguyễn Văn L vay số tiền 400.000.000đ, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất do các bên thoả thuận. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 74 do Ông Nguyễn Văn L đứng tên, đất tọa lạc tại ấp AP, xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT. Sở dĩ nội dung hợp đồng thoả thuận như vậy là do trước khi ký hợp đồng hai bên có thoả thuận miệng trước nội dung nên anh Đ mới soạn hợp đồng đánh máy sẵn để hai bên ký. Nhưng khi hai bên gặp nhau để ký hợp đồng và giao tiền thì ông L chỉ yêu cầu lấy trước số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) để ông L trả nợ cho Ngân hàng nên khi nhận tiền ông L đã ghi thêm nội dung “*hôm nay là ngày 21 tháng 02 năm 2018 tôi có nhận trước là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu chẵn)*”. Đồng thời, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 167 mà ông L thoả thuận sẽ thế chấp cho anh Đ thì ông L đang thế chấp tại Ngân hàng nên ông L cũng không có để giao cho anh Đ. Để tạo lòng tin ông L đưa cho anh Đ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác là thửa đất số 471, tờ bản đồ số 74 do ông hộ Ông Nguyễn Văn L đứng tên, đất tọa lạc tại xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT. Ông L hứa khi trả tiền cho Ngân hàng xong sẽ lấy giấy đất thửa 167 giao lại cho anh Đ giữ.

Đến hạn trả nợ anh Đ có đến gặp ông L để lấy tiền nhưng ông L nói là không có tiền trả, ông cũng chưa trả được nợ cho Ngân hàng và hẹn lại. Sau đó, anh Đ gọi điện thoại để đòi thì điện thoại không liên lạc được và anh Đ cũng không có cách nào để gặp được ông L. Đến tháng 6/2018 ông L có gọi điện thoại cho anh Đ thì được biết hiện nay ông L đang ở Malaysia và nói sẽ gửi tiền về trả từ từ. Thời gian sau không thấy ông L gửi tiền về trả thì anh Đ đến nhà tìm và gặp được ông L nhưng ông L không trả tiền mà còn nói sẽ báo Công an để thưa ngược lại anh Đ nhưng không biết là thưa anh Đ về vụ gì nhưng sau đó ông L cũng không có làm đơn thưa anh Đ và cũng không có trả tiền cho anh Đ.

Nay anh Đ yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Văn L phải trả cho anh Đ số tiền vốn vay là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 836200, số vào sổ cấp GCN CS08871, thửa đất số 471, tờ bản đồ số 74, đất tọa lạc tại xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT được Ủy ban nhân dân huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông Nguyễn Văn L vào 14/8/2017 mà hiện nay anh Đ đang giữ, thì anh Đ đồng ý trả lại cho ông L.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà ngày hôm nay bị đơn Ông Nguyễn Văn L trình bày: Thừa nhận vào ngày 21/02/2018 ông L có ký tên vào tờ “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” với anh Võ Tiến Đ, số tiền theo hợp đồng là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), trong hợp đồng không đề lãi suất và hai bên cũng không thoả thuận lãi suất. Lúc đầu hai bên thoả thuận số tiền vay là 400.000.000đ và tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 74 do Ông Nguyễn Văn L đứng tên, đất tọa lạc tại ấp AP, xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT. Nhưng do ông L đang vay số tiền 65.000.000đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt

Nam - Phòng giao dịch TM và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 167 đến hạn trả nợ ông L chưa có tiền trả nên ông L thỏa thuận chỉ vay của anh Đ số tiền là 120.000.000đ để đáo nợ Ngân hàng, khi trả tiền cho Ngân hàng xong ông L vay Ngân hàng lại sẽ trả tiền cho anh Đ.

Tại thời điểm ký hợp đồng thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 167, tờ bản đồ số 74 do Ông Nguyễn Văn L đứng tên, đất tọa lạc tại ấp AP, xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT ông L còn đang thế chấp tại Ngân hàng nên ông L không có để giao cho anh Đ. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 836200, số vào sổ cấp GCN CS08871, thửa đất số 471, tờ bản đồ số 74, đất tọa lạc tại xã MAH B, huyện LV, tỉnh ĐT được Ủy ban nhân dân huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông Nguyễn Văn L vào 14/8/2017, hiện nay anh Đ đang giữ là do trước kia ông L có cho vợ chồng anh Nguyễn Hữu D mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng lấy vốn làm ăn nhưng không biết tại sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này anh Đ lại giữ giấy.

Ông L thừa nhận nội dung tại trang cuối tờ “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 21/02/2018 tại phần đại diện bên B (bên vay) có nội dung “*Tôi đã đọc hiểu và thống nhất Ký tên.... Ông Nguyễn Văn L.... Hôm nay là ngày 21-02-2018 tôi có nhận trước là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu chẵn*” là do Ông Nguyễn Văn L ghi và ký tên. Khi ký hợp đồng ông L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc mà ông L tự nguyện ký. Nhưng sau khi ông L ký tên xác nhận vào hợp đồng xong anh Đ không đưa số tiền trên cho ông L. Mặc dù, anh Đ không đưa cho ông L số tiền 120.000.000đ theo hợp đồng đã ký nhưng từ đó đến nay ông L không có gặp anh Đ để yêu cầu anh Đ đưa số tiền mà ông L đã ký nhận nợ, cũng không yêu cầu anh Đ trả lại hợp đồng vay tiền hay báo với chính quyền địa phương về việc này vì nghĩ là anh Đ chưa đưa tiền thì coi như ông L chưa nợ tiền anh Đ. Việc ký hợp đồng ngày 21/02/2018 thì có bà P, anh D và chị Li chứng kiến và thấy ông L ký hợp đồng nhưng anh Đ không đưa tiền. Ngoài ra ông L không có chứng cứ hay người nào khác biết.

Khi ông L đang ở Malaysia thì T là con của bà P có gọi điện sang cho ông L nói ông L gọi điện thoại về gặp anh Đ để giải quyết việc tiền bạc giữa anh Đ với ông L. Ông L có gọi điện thoại về gặp anh Đ và nói với anh Đ: Việc ông L ký hợp đồng vay tiền là ký vay dùm cho Li và D, ông L không nhận tiền từ anh Đ và ông L nói với anh Đ là D và Li trúng đất bồi thường cầu Vĩnh Thạnh nên anh Đ uyển chuyển để lấy tiền và anh Đ nói sẽ uyển chuyển cho, chứ ông L không có nói với anh Đ là sẽ gửi tiền về trả từ từ như anh Đ trình bày.

Hiện nay anh Nguyễn Hữu D và chị Nguyễn Thị Bé Li, đã bỏ địa phương đi đâu ông L không biết, không liên lạc được nên không cung cấp được địa chỉ của anh D và chị Li cho Tòa án.

Nay ông L không đồng ý trả tiền theo như yêu cầu của anh Đ. Đồng thời, ông L yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 836200, số vào sổ cấp GCN CS08871, thửa đất số 471, tờ bản đồ số 74, đất tọa lạc tại xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT được Ủy ban nhân

dân huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông Nguyễn Văn L vào 14/8/2017.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị P khai:*

Bà Phấn là mẹ ruột của Nguyễn Thị Bé Li và Nguyễn Hữu D là con rể do làm ăn thất bại nên hiện nay Li và D đã bỏ địa phương đi đến nay không biết đi đâu, điện thoại không liên lạc được. Còn bà P với Ông Nguyễn Văn L (Tám) chỉ là bạn bè thân thiết từ trước đến nay, không có bà con gì. Sự việc vay tiền của anh Đ và ông L thì bà Phấn biết như sau: Vào ngày mà anh Đ và ông L ký hợp đồng vay tiền (không nhớ rõ ngày nào) tại quán cà phê ở đường lộ mới xã Tân Mỹ (không nhớ tên quán) có mặt Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thị Bé Li, Nguyễn Thị P, Ông Nguyễn Văn L và Võ Tiến Đ. Bà P có mặt vì con gái bà P kêu lại chứ bà P không biết gì về việc vay mượn tiền giữa anh Đ với ông L. Trong lúc uống cà phê nghe anh Đ kêu ông L ký giấy để anh Đ cho ông L mượn thêm tiền, bà P cũng không biết số tiền anh Đ cho ông L vay là bao nhiêu. Chỉ nghe anh Đ kêu ký thì ông L ký tên vào tờ giấy, bà P cũng không biết tờ giấy ghi nội dung gì vì khi ký không ai đọc lớn cho mọi người cùng nghe. Anh Đ chỉ đưa cho con gái bà P là Li đọc, Li đọc xong đưa cho ông Tám (Ông Nguyễn Văn L). Bà P cũng không biết ông L có đọc lại hay không nhưng sau đó thì ông L ký tên vào tờ giấy mà anh Đ đưa. Sau khi ông L ký xong bà P không thấy ông Đ đưa tiền cho ông L. Sau khi uống nước xong mọi người chuẩn bị ra về thì ông L có hỏi anh Đ sao không đưa tiền thì anh Đ nói bốn giờ chiều ngày mai ra bên phà Cao Lãnh để nhận tiền. Còn sau đó anh Đ có giao tiền cho ông L không thì bà P không biết. Ngoài ra bà P không còn biết gì thêm.

- *Người làm chứng chị Nguyễn Thị Lan Ph (T) khai:*

Chị Ph và Ông Nguyễn Văn L không có quan hệ họ hàng gì mà ông L là bạn của mẹ chị Ph là bà Nguyễn Thị P nên chị Ph mới biết. Nguyên nhân chị Ph điện thoại cho ông L khi ông L ở bên Malaysia là do anh Đ điện thoại nói chị Ph điện thoại cho ông L liên hệ với anh Đ, nếu không điện thoại về thì anh Đ sẽ xuống nhà gặp vợ ông L để nói chuyện. Chị Ph thấy vợ ông L đang bị bệnh, chị Ph không muốn cho vợ ông L biết nên chị Ph mới liên lạc nói ông L gọi điện thoại về cho anh Đ. Ông L gọi điện thoại về nói chuyện với anh Đ như thế nào thì chị Ph không biết. Còn việc vay tiền giữa anh Đ và ông L như thế nào thì chị Ph không biết.

- *Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà. Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã giao nộp đầy đủ, không cung cấp gì thêm và được Tòa án công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Anh Võ Tiến Đ khởi kiện và cung cấp cho Tòa án tờ “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 21 tháng 02 năm 2018 có chữ ký của anh Võ Tiến Đ và Ông Nguyễn Văn L. Ông Nguyễn Văn L thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng này nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Các bên xảy ra tranh chấp theo anh Võ Tiến Đ trình bày thì do Ông Nguyễn Văn L đã nhận số tiền vay là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) nhưng đến hạn trả nợ ông L không trả cho anh Đ nên anh Đ yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ trả tiền trên. Còn Ông L cho rằng mặc dù ông ký tên vào hợp đồng nêu trên nhưng thực tế ông L chưa nhận số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) từ anh Đ nên ông L không đồng ý trả theo như yêu cầu của anh Đ, xét thấy:

Theo anh Nguyễn Văn Đ1 đại diện cho nguyên đơn trình bày: Nội dung các bên thỏa thuận trong tờ “hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 21 tháng 02 năm 2018 thì số tiền vay là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi hai bên tiến hành ký hợp đồng thì ông L chỉ có nhu cầu vay số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) nên anh Đ chỉ giao cho ông L số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và sau khi ông L nhận đủ số tiền trên ông L đã xác nhận ở cuối tờ hợp đồng tại phần đại diện bên B (bên vay) có nội dung “*Hôm nay là ngày 21-02-2018 tôi có nhận trước là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu chẵn*”. Ông L thừa nhận dòng chữ trên là do ông L ghi và khi ghi thì trạng thái tinh thần của ông L hoàn toàn minh mẫn, không bị ai ép buộc, lừa dối mà do ông L hoàn toàn tự nguyện. Tại mục 7 của hợp đồng cũng có thể hiện “*Kể từ thời điểm bên B ký vào hợp đồng, bên B*

xác nhận đã nhận đủ số tiền do bên A chuyển giao”. Như vậy, lời trình bày của anh Đ1 đại diện cho nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Còn Ông Nguyễn Văn L cho rằng ông L ký tên vào tờ hợp đồng cho cá nhận vay tiền nhưng anh Đ không đưa số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) cho ông L nhưng ông L thừa nhận từ khi ông L ký hợp đồng đến nay ông L không có yêu cầu anh Đ đưa số tiền mà ông L đã ký nhận nợ cho ông L cũng không yêu cầu anh Đ trả lại tờ hợp đồng. Trường hợp anh Đ không đưa số tiền theo hợp đồng cũng không trả lại tờ hợp đồng thì ông L phải báo cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết nhưng ông L đã không thực hiện việc này. Chỉ đến khi anh Đ khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Lập Vò, ông L mới trình bày là không có nhận tiền của anh Đ và ông L yêu cầu Toà án cho ông L thời hạn 15 ngày để ông L làm đơn yêu cầu Công an huyện Lập Vò xử lý anh Đ về tội lừa đảo và nộp cho Toà án chứng cứ ông L gửi đơn yêu cầu Công an huyện giải quyết. Hết thời hạn 15 ngày, ông L tiếp tục làm đơn xin gia hạn thêm 15 ngày để ông L đến Công an huyện Lập Vò nhờ giải quyết nhưng sau đó ông L cũng không thực hiện. Tại phiên toà ngày hôm nay ông L trình bày ông có đến Công an huyện Lập Vò yêu cầu xử lý việc anh Đ lừa đảo nhưng Công an huyện trả lời miệng rằng việc vay mượn tiền giữa hai bên là việc dân sự Công an không giải quyết mà do Toà án giải quyết nên ông L mới không làm đơn thưa anh Đ tại Công an. Như vậy, việc ông L nại ra chỉ nhằm mục đích trốn tránh việc trả nợ và làm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị P là người quen biết với ông L, không có quen biết gì với anh Đ do đó không thể loại trừ lời khai của bà P sẽ có lợi cho ông L nên không có khách quan. Còn lời khai của chị Nguyễn Thị Lan Ph (T) là con của bà P thể hiện là anh Đ có đến đòi ông L trả tiền nên chị Ph mới gọi điện thoại kêu ông L gọi điện cho anh Đ để nói chuyện còn việc vay tiền giữa anh Đ và anh Lực thì chị Ph không biết. Lời trình bày của chị Ph ông L cũng thừa nhận sau khi chị Ph gọi điện thoại nói ông L gọi điện cho anh Đ thì ông L cũng có gọi điện thoại về nói số tiền ký trong hợp đồng là vay dùm cho anh D và chị Li nên yêu cầu gặp D và Li để đòi.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ xác định Ông Nguyễn Văn L đã nhận đủ số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) mà anh Võ Tiến Đ cho vay nhưng hiện nay ông L chưa trả cho anh Đ. Do đó, nay anh Đ yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] Đối với số tiền lãi của khoản tiền vay do anh Võ Tiến Đ không yêu cầu ông L phải có trách nhiệm trả nên không xem xét giải quyết.

[3] Đối với yêu cầu của Ông Nguyễn Văn L yêu cầu anh Võ Tiến Đ có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 836200, số vào sổ cấp GCN CS08871, thửa đất số 471, tờ bản đồ số 74, đất toạ lạc tại xã MAH B, huyện LV, tỉnh ĐT được Ủy ban nhân dân huyện Lập Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông Nguyễn Văn L vào 14/8/2017, anh Võ Tiến Đ cũng đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho

ông L. Do đó, Toà án công nhận sự thoả thuận của các đương sự, anh Võ Tiến Đ trả cho Ông Nguyễn Văn L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ là 6.000.000đ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Võ Tiến Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] xét lời trình bày và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Tiến Đ.

Buộc Ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho anh Võ Tiến Đ số tiền vay là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Công nhận sự thoả thuận của Ông Nguyễn Văn L và anh Võ Tiến Đ: Anh Võ Tiến Đ đồng ý trả cho Ông Nguyễn Văn L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 836200, sổ vào sổ cấp GCN CS08871, thửa đất số 471, tờ bản đồ số 74, đất tọa lạc tại xã MAH B, huyện LV, tỉnh ĐT được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông Nguyễn Văn L vào ngày 14 tháng 8 năm 2017.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000335 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án huyện Lấp Vò. Số tiền án phí ông L còn phải nộp tiếp là 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Anh Võ Tiến Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Võ Tiến Đ số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu

đồng) theo biên lai số 0007030 ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội